

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/01/2025.

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Quốc và bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20/11/2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/13/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Trình Khê, xã T, huyện L, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn G, T, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Khắc Đ vào ngày 27/3/2013. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh B. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị T về chung sống cùng anh Đ ngay. Vợ chồng chị T có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Sau ngày cưới khoảng 06 tháng thì chị T về nhà bố mẹ đẻ chị T ở, còn anh Đ vẫn ở nhà anh Đ. Mâu thuẫn vợ chồng chị T phát sinh từ đầu năm 2020, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ và thời gian ly thân chấm dứt mọi quan hệ đã hơn 04 năm nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng chị T có 02 con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 28/10/2020. Hiện nay cả 02 cháu đang do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T nhận nuôi cả hai cháu đến tuổi trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Tòa án triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 28/10/2020 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xét xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Khắc Đ thì thấy: Anh Nguyễn Khắc Đ có nơi cư trú: Thôn G, T, huyện L, tỉnh B. Do vậy, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Đ vẫn sinh sống làm ăn ở tại địa phương, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua bố đẻ anh Đ là ông Nguyễn Khắc Hiền. Ông Hiền xác nhận sau khi nhận thay anh Đ các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã giao các văn bản tố tụng tới tận tay anh Đ trong ngày. Do vậy, HĐXX xác định quyền và nghĩa vụ của anh Đ đã được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, anh Đ đã được Tòa án đã được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần hai là anh Đ đã tự bỏ quyền tố tụng của mình nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Nguyễn Khắc Đ vào ngày 27/3/2013. Trước khi đăng ký kết hôn, đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã T, huyện L, tỉnh B. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của chị T anh Đ thì thấy: Căn cứ vào lời khai của chị T và kết quả xác minh tại gia đình anh Đ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị T anh Đ xảy ra từ năm 2020, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng liên quan đến kinh tế và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, anh Đ cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và cũng không có phương án nào để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn của vợ

chồng chị T anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác định chị T và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 28/10/2020. Ly hôn chị T nhận nuôi cả hai con và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến Tòa làm việc và cũng không gửi ý kiến của mình cho Tòa án nên anh Đ không có quan điểm về việc nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét việc giao con cho chị T hay anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì phải đảm bảo sự phát triển và học tập tốt nhất của các cháu. Xét điều kiện kinh tế: Chị T có Kiốt bán quần áo ở chợ Thừa thuộc T, huyện L thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/1tháng. Xét về về thời gian quan tâm chăm sóc các con thì thấy: Từ khi chị T và anh Đ ly thân, các cháu vẫn ở với chị T và chị T là người trực tiếp đưa đón các cháu đi học và là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu hằng ngày. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã thể hiện anh Đ không có công ăn việc làm, thu nhập của anh Đ chỉ nuôi sống đủ bản thân và không có điều kiện để nuôi con. Qua xác minh tại gia đình anh Đ thể hiện, anh Đ và gia đình anh Đ cũng đồng ý để chị T cả hai cháu. Mặt khác vợ chồng anh Đ có 01 cháu là Nguyễn Phương T trên 7 tuổi, cháu cũng có nguyện vọng ở với chị T. Tại địa phương nơi chị T cư trú cũng xác nhận, chị T đang nuôi dưỡng cả hai cháu, các cháu vẫn phát triển tốt và học tập bình thường. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định chị T có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt nên giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Do chị T không yêu cầu xem xét về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Đ vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án liên quan đến tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp nên HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 28/10/2020 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xét xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai số: 0001260, ngày 20/11/2024. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hà